TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2021/QĐST-DS	*Đông Triều, ngày 15 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 50/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** *Nguyên đơn*:** Ngân hàng TMCP BV; Địa chỉ: Số 16 PCT, phường PCT, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lưu Quyết T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Quý H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP BV, Chi nhánh Quảng Ninh (Theo Giấy ủy quyền số 4870/2017/UQ – TGĐ ngày 25/11/2017).

- *Người được ủy quyền lại:*

1/ Ông Hoàng Văn C – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP BV, Chi nhánh Quảng Ninh.

2/ Ông Trần Trung K - Chức vụ: Trưởng phòng KHCN Ngân hàng TMCP BV, Chi nhánh Quảng Ninh.

3/ Ông Vũ Cao T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP BV.

(Theo Giấy ủy quyền số 91/2021/UQ – BVB ngày 20/4/2021).

*** *Bị đơn***: Anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L; Cùng địa chỉ: Khu

T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thực hiện hợp đồng:

Các bên đương sự thống nhất chấm dứt Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với Khách hàng là Cá nhân) số 0356-2019-HĐTD2-BVB052 ký ngày 21/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP BV với anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

Anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP BV (tính đến ngày 04/11/2021) tổng số tiền là: 273.174.418đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu một trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm mười tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 247.393.986đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 16.914.318đ (Mười sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm mười tám đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 2.232.995đ (Hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

+ Lãi chậm trả lãi: 528.119đ (Năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm mười chín đồng).

+ Phí trả nợ trước hạn: 6.105.000đ (Sáu triệu một trăm linh lăm nghìn đồng).

**** Phương án trả nợ như sau***:

- Chậm nhất đến ngày 05/12/2021, anh T, chị L phải trả số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 05/01/2022, anh T, chị L phải trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 05/02/2022, anh T, chị L phải trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 05/3/2022, anh T, chị L phải trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 05/4/2022, anh T, chị L phải trả số tiền 59.174.418đ (Năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm mười tám đồng) và lãi phát sinh.

Kể từ ngày 05/11/2021 trở đi anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí và các chi phí khác đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với Khách hàng là Cá nhân) số 0356-2019-HĐTD2-BVB052 ký ngày 21/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP BV với anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L cho đến khi anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

Trong trường hợp anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất cứ một kỳ trả nợ nào nêu trên thì Ngân hàng TMCP BV có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe ô tô theo " Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô" số 074971 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt-Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 18/11/2019, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2019, chi tiết như

sau: Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: VIOS E; Loại xe: Ô tô con; Màu sơn: Bạc; Số chỗ ngồi: 5; Số máy: 2NRX521777; Số khung: 3F35K5080991; Biển kiểm soát số: 14A-424.54 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông của khách hàng số 0356-2019-HĐTC2-BVB052 ký ngày 21/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP BV, Chi nhánh Quảng Ninh với anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L để thu hồi toàn bộ nợ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà số tiền thu được không đủ trả nợ thì anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho tới khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP BV.

2.3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.829.360đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP BV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.680.000đ (Sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009076 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2. 4. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP BV đã nộp tạm ứng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên. Do đó, anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP BV có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Trung T và chị Đào Thị Ngọc L không trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều,
- Lưu HS; Lưu VP.